TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 – 7 - 2017
V/vly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi

2. Ông Phạm Văn Tỵ

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Xóm 5, thôn N, xã B, huyện D, thành phố Hải Phòng; Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1989.

Địa chỉ cư trú: Xóm 6, thôn N, xã B, huyện D, thành phố Hải Phòng; Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quang D kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh D ở xóm 5, thôn N, xã B, huyện D. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn, khoảng vài tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2015 mặc dù vẫn ở

chung nhà nhưng thực tế vợ chồng đã sống ly thân; đến tháng 4 năm 2017, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 5, N, xã B, sống ly thân với anh Lê Quang D. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Lê Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Ngọc L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2014; con chung hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2017, bị đơn anh Lê Quang D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị Lê Thị N đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau, hiện tại không ai còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay chị Lê Thị N có đơn xin ly hôn, anh Lê Quang D xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, đề nghị Tòa án giúp đỡ vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Lê Thị N đã trình bày là đúng. Do không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm cụ thể về việc nuôi con chung sau khi ly hôn

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, sau phần hỏi và trả lời, bị đơn anh Lê Quang D có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về con chung, đề nghị Tòa án giao con chung Lê Ngọc L cho chị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải mà không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N với anh Lê Quang D; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị N và anh Lê, giao con chung Lê Ngọc L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2014 cho chị Lê Thị N nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Dương cho chị Nhung, khi nào chị Nhung có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Lê Thị N và anh Lê Quang D kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện D, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hoà hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Lê Quang D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị Lê Thị N và anh Lê Quang D đã thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Lê Quang D có 01 con chung là Lê Ngọc L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2014. Ly hôn, chị Lê Thị N và anh Lê Quang D đều đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy con chung dưới 36 tháng tuổi, hiện do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Lê Ngọc L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị N có quan điểm không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy quan điểm chị N đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh D cho chị N, khi nào chị N có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về tài sản: Chị Lê Thị N và anh Lê Quang D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, các điều 143, 147, 210 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Lê Quang D

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc L – sinh ngày 05 tháng 12 năm 2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Lê Quang D cho chị Lê Thị N, khi nào chị N có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị N đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (theo Biên lai thu tiền số 0004099 ngày 08 tháng 5 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đại Bản;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch